

**BAN SAO**



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỈNH THÁI BÌNH**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**TỪ NGÀY 01/01/2016 ĐẾN NGÀY 30/06/2016**

Tính đến ngày 30/06/2016

Tháng 07 năm 2016

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	09
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 29

THAI BINH  
CO PHAN  
XUAT NHAP  
KHUU TINH  
THAI BINH

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu tỉnh Thái Bình (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ đã được kiểm toán của Công ty từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

### **Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

Ông Nguyễn Công Tri

Chủ tịch

Bà Phạm Lan Anh

Phó Chủ tịch

Bà Phạm Thị Dung

Ủy viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Nguyễn Công Tri

Tổng Giám đốc

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016, phản ánh một cách trung thực và hợp lý, tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Thiết kế và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ được lập và trình bày tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Công Trì  
Tổng Giám đốc  
Thái Bình, ngày 29 tháng 07 năm 2016



CHỦ TỊCH  
*Dặng Luân Hậu*



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH CHÂU Á  
CHI NHÁNH TẠI HÀ NỘI**

**CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN, TƯ VẤN TÀI CHÍNH VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ**

Địa chỉ: Phòng 115, tầng 11, tòa nhà CT3, KĐT Yên Hòa, Q. Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam  
Điện thoại: (84-4) 6281 2260 Fax: (84-4) 6281 2260  
Email: fadaco@fadacohanoi.com Website: www.fadacohanoi.com

Số: 45/2016/BCTC-FADA HN

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu tỉnh Thái Bình**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu tỉnh Thái Bình (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 29/07/2016, từ trang 06 đến trang 29, bao gồm bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 và bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính giữa niên độ. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính giữa niên độ do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

**Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

1. Như đã trình bày tại thuyết minh số 4.3 của phần thuyết minh báo cáo tài chính. Công ty không đánh giá chênh lệch tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ mà chỉ thực hiện đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Đồng thời, Công ty không theo dõi chi tiết việc bán hàng và thanh toán tiền hàng theo từng lô hàng. Bằng các thủ tục kiểm toán thay thế, chúng tôi cũng không thể xác định được số tiền chênh lệch tỷ giá hối đoái trong kỳ và cuối kỳ cần thiết phải điều chỉnh vào chỉ tiêu "Doanh thu tài chính" và "Chi phí tài chính" trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh kèm theo.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

2. Đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, chúng tôi chưa nhận được đầy đủ thư xác nhận công nợ phải thu khách hàng với số tiền 1.512.176.688 VND, người mua trả tiền trước với số tiền 668.250.000 VND được trình bày tại các chỉ tiêu "Phải thu ngắn hạn của khách hàng" và chỉ tiêu "Người mua trả tiền trước ngắn hạn" trên bảng cân đối kế toán kèm theo. Bằng các thủ tục kiểm toán thay thế, chúng tôi cũng không thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán để xác nhận các số dư này.

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề được nêu ở đoạn "cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ" báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu tỉnh Thái Bình tại ngày 30/06/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại thuyết minh số 1.5 và 29 phần thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ không có số liệu so sánh do Công ty không lập Báo cáo tài chính giữa niên độ từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của Chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Chúng tôi lưu ý người đọc đến thuyết minh số 27 của phần thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ, trong kỳ hoạt động luồng tiền từ hoạt động kinh doanh trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ kèm theo bị âm số tiền 3.567.784.527 VND. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty trong tương lai phụ thuộc đáng kể vào kết quả kinh doanh cũng như kết quả thương thảo với các nhà đầu tư và các nhà cung cấp về gia hạn thời gian trả nợ, tài trợ vốn cho các hoạt động kinh doanh của Công ty. Báo cáo tài chính giữa niên độ này chưa bao gồm bất kỳ sự điều chỉnh nào được xem là cần thiết đối với sự phân loại tài sản hoặc công nợ nếu Công ty không còn khả năng tiếp tục hoạt động. Vì vậy, báo cáo tài chính giữa niên độ này vẫn được lập trên giả định Công ty hoạt động liên tục. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

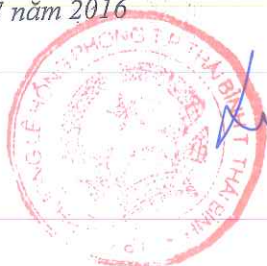


*[Handwritten signature]*

Tạ Minh Phương  
Giám đốc  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
1310-2013-111-1

Tạ Thanh Bình  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
1374-2013-111-1

Thay mặt và đại diện  
CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN  
VÀ TƯ VẤN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH CHÂU Á TẠI HÀ NỘI  
Hà Nội, ngày 29 tháng 07 năm 2016



*[Handwritten signature]*  
CHỦ TỊCH  
Dặng Luân

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Mẫu số B01a - DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>29.059.624.236</b>	<b>36.370.065.191</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>20.413.458.454</b>	<b>23.148.395.756</b>
1. Tiền	111		413.458.454	1.148.395.756
2. Các khoản tương đương tiền	112		20.000.000.000	22.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>2.300.000.000</b>	<b>-</b>
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6.1	2.300.000.000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>5.291.097.865</b>	<b>11.617.419.610</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	2.124.265.513	1.497.056.716
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	6.2	3.000.000.000	8.892.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	166.832.352	1.228.362.894
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.055.067.917</b>	<b>1.604.249.825</b>
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.001.960.464	1.604.249.825
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	13.2	53.107.453	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>31.159.866.492</b>	<b>27.883.914.940</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>17.015.197.016</b>	<b>17.283.814.870</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	4.787.619.716	5.056.237.570
- Nguyên giá	222		15.803.680.460	15.803.680.460
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(11.016.060.744)	(10.747.442.890)
3. Tài sản cố định vô hình	227	11	12.227.577.300	12.227.577.300
- Nguyên giá	228		12.227.577.300	12.227.577.300
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>13.800.218.592</b>	<b>10.220.218.592</b>
1.-Đầu tư vào công ty con	251	6.3	1.792.090.000	1.792.090.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	6.3	8.428.128.592	8.428.128.592
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	6.1	3.580.000.000	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>344.450.884</b>	<b>379.881.478</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	344.450.884	379.881.478
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>60.219.490.728</b>	<b>64.253.980.131</b>

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Mẫu số B01a - DN  
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>24.014.416.983</b>	<b>26.456.405.227</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>24.014.416.983</b>	<b>26.456.405.227</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	1.209.982.534	1.308.739.592
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		668.250.000	26.389.974
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13.1	319.809.785	214.916.514
4. Phải trả người lao động	314		91.792.841	187.785.741
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	14	21.241.373.396	23.952.672.979
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		483.208.427	765.900.427
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>36.205.073.745</b>	<b>37.797.574.904</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>15</b>	<b>36.205.073.745</b>	<b>37.797.574.904</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		36.000.000.000	36.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		36.000.000.000	36.000.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		100.000.000	100.000.000
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		105.073.745	1.697.574.904
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		5.574.904	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		99.498.841	1.697.574.904
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>60.219.490.728</b>	<b>64.253.980.131</b>

Thái Bình, ngày 29 tháng 07 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

*Phường*

UBND PHƯỜNG LÊ HỒNG PHONG  
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH - T. THÁI BÌNH

Ngày: 12 - 10 - 2016

CHỨNG THỰC

Bùi Thị Phương **Phạm Thị Nhâm**



Nguyễn Công Trì



*Dương Luân Hậu*

CHỦ TỊCH

*Dương Luân Hậu*





(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Mẫu số B03a - DN  
Đơn vị tính: VND  
Từ 01/01/2016  
đến 30/06/2016

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01		124.373.551
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		268.617.854
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(14.147.891)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(808.741.624)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(429.898.110)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(63.494.057)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(2.563.004.058)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		35.430.594
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(264.126.896)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(282.692.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(3.567.784.527)
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(8.880.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		8.892.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.869.875.384
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.881.875.384
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.049.040.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.049.040.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(2.734.949.143)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		23.148.395.756
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		11.841
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	5	20.413.458.454

QUANG PHƯƠNG LE HONG PHONG  
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH - T. THÁI BÌNH  
Ngày: 12-10-2015  
CHỨNG THỰC  
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Thái Bình, ngày 29 tháng 07 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Phượng

CHỦ TỊCH  
Đặng Luân Hậu

Bùi Thị Phượng

Phạm Thị Nhâm

Nguyễn Công Tri

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****1.1 Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu tỉnh Thái Bình (gọi tắt là “Công ty”), tiền thân là Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu tỉnh Thái Bình được cổ phần hóa thành Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu tỉnh Thái Bình theo Quyết định số 2753/QĐ-UBND ngày 18/11/2014 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Thái Bình. Hoạt động của Công ty với tư cách là Công ty Cổ phần đã được đăng ký lại với Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1000215007 thay đổi lần thứ năm ngày 26/03/2015.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, vốn điều lệ của Công ty là 36.000.000.000 VND, tổng số cổ phần 3.600.000 cổ phần, mệnh giá cổ phần là 10.000 VND/cổ phần.

Trụ sở Công ty đặt tại Số 01 Hai Bà Trưng, phường Lê Hồng Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

**1.2 Lĩnh vực kinh doanh:**

Kinh doanh thương mại và dịch vụ.

**1.3 Ngành nghề kinh doanh:**

- Gia công vải;
- Cho thuê kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

**1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:**

Chu kỳ kinh doanh thông thường là dưới 12 tháng.

**1.5 Cấu trúc doanh nghiệp:**

Đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
<b>Các công ty con</b>		
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Thái Bình	Số 399 phố Lê Quý Đôn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Thái Bình	Mua bán xe ô tô, máy móc, nguyên phụ liệu cho ngành may...
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủ công Mỹ nghệ	Số 204 phố Lý Thường Kiệt, phường Kỳ Bá, thành phố Thái Bình	Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ, nguyên phụ liệu ngành may...
<b>Các công ty liên doanh, liên kết</b>		
Công ty Cổ phần May xuất khẩu Việt Hồng	Số 01 phố Hai Bà Trưng, phường Lê Hồng Phong, thành phố Thái Bình	Sản xuất, mua bán xuất nhập khẩu hàng may mặc, nguyên phụ liệu ngành may...
Công ty Cổ phần May Việt Hưng	Km10, quốc lộ 10, xã Đông Hợp, huyện Đông Hưng, Thái Bình	Sản xuất, mua bán xuất nhập khẩu hàng may mặc. Mua bán vải, nguyên phụ liệu ngành may...

**1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính:**

Số liệu so sánh Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu tỉnh Thái Bình đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn đầu tư tài chính Châu Á tại Hà Nội. Riêng Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ không có số liệu so sánh do Công ty không lập Báo cáo tài chính giữa niên độ từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.

## 2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Riêng báo cáo này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 để phục vụ bán toàn bộ phần vốn của Nhà nước (38% vốn điều lệ) tại Công ty.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

## 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

## 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này:

### 4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 4.2 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại thời điểm báo cáo cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### 4.3 Chuyển đổi ngoại tệ

Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ được thực hiện theo quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính.

Trong kỳ, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh. Công ty không đánh giá chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ của các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ. Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại được phản ánh vào chênh lệch tỷ giá hối đoái và số dư được kết chuyển sang doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính: Là tỷ giá công bố của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam theo nguyên tắc: Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

Nguyên tắc xác định tỷ giá ghi sổ: Là tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh. Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh là tỷ giá khi thu hồi các khoản nợ phải thu, được xác định theo tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc tại thời điểm đánh giá lại cuối kỳ của từng đối tượng.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản tại thời điểm ngày 30/06/2016 là 22.275 VND/USD.

#### 4.4 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

#### 4.5 Các khoản đầu tư tài chính

##### 4.5.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Phản ánh các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng (ngắn hạn) và trên 12 tháng (dài hạn) kể từ thời điểm báo cáo là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Lãi tiền gửi phát sinh sau ngày mua các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, lãi khi thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại kể từ thời điểm báo cáo của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

##### 4.5.2 Các khoản cho vay

Phản ánh các khoản cho vay bằng khế ước, hợp đồng, thỏa thuận vay giữa hai bên có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng (ngắn hạn) tại thời điểm báo cáo. Các khoản cho vay được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Lãi cho vay được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính khi phát sinh.

Dự phòng đối với các khoản cho vay có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi được trích lập tương tự phải thu khó đòi theo thuyết minh số 4.6.

##### 4.5.3 Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

**Các khoản đầu tư vào đơn vị khác gồm các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết với mục đích nắm giữ lâu dài**

###### **Đầu tư vào công ty con:**

Phản ánh các khoản đầu tư mà Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết và có quyền kiểm soát, chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư (công ty con) nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó hoặc Công ty nắm giữ ít hơn 50% quyền biểu quyết nhưng có thỏa thuận khác:

- Các nhà đầu tư khác thỏa thuận dành cho Công ty hơn 50% quyền biểu quyết;
- Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động theo quy chế thỏa thuận;
- Công ty có quyền bổ nhiệm hoặc bãi miễn đa số các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cấp quản lý tương đương;
- Công ty có quyền bỏ đa số phiếu tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị hoặc cấp quản lý tương đương.

#### 4.5 Các khoản đầu tư tài chính

##### *Đầu tư vào công ty liên kết:*

Phản ánh các khoản đầu tư mà Công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư (công ty liên kết) mà không có thỏa thuận khác.

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Do Công ty không phải là doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán phải lập báo cáo tài chính giữa niên độ nên thời điểm lập và hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết là thời điểm cuối kỳ kế toán năm phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

#### 4.6 Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu lại tiền bảo hiểm của người lao động, phải thu về cổ phần hóa, tạm ứng...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo nguyên tắc như trình bày tại thuyết minh số 4.3.

Do Công ty không phải là doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán phải lập báo cáo tài chính giữa niên độ nên thời điểm lập và hoàn nhập dự phòng các khoản phải thu là thời điểm cuối kỳ kế toán năm phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

#### 4.7 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc, ngoại trừ một số tài sản cố định được đánh giá lại khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, như:

- Thay đổi bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng; hoặc
- Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước.

#### 4.7 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (tiếp theo)

Các chi phí phát sinh để sửa chữa, bảo dưỡng nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu, không thỏa mãn một trong các điều kiện trên, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, số khấu hao được tính bằng nguyên giá chia (:) cho thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

Từ 01/01/2016  
đến 30/06/2016  
(số năm)

Nhà cửa, vật kiến trúc  
Máy móc, thiết bị  
Phương tiện vận tải

05-25  
15  
10

#### 4.8 Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị quyền sử dụng đất, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình được xác định theo giá gốc.

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất lâu dài không thực hiện trích khấu hao.

#### 4.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được ghi nhận theo thực tế phát sinh, bao gồm: Giá trị lợi thế kinh doanh; Giá trị công cụ dụng cụ xuất dùng phục vụ cho hoạt động kinh doanh của một hoặc nhiều kỳ kế toán.

Chi phí trả trước là giá trị công cụ dụng cụ xuất dùng được phân bổ vào kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng không quá 24 tháng.

Giá trị lợi thế kinh doanh được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào kết quả hoạt động kinh doanh tối đa không quá 36 tháng.

Công ty căn cứ vào thời gian trả trước theo hợp đồng của từng loại chi phí để phân loại chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn và không thực hiện tái phân loại tại thời điểm báo cáo.

#### 4.10 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán;

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: Cầm cố, ký quỹ; phải trả về các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

#### 4.10 Các khoản nợ phải trả (tiếp theo)

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng xảy ra, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

#### 4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán phản ánh vốn góp cổ đông trong và ngoài doanh nghiệp, được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông góp cổ phần, tính theo mệnh giá cổ phiếu đã phát hành.

Các quỹ và lợi nhuận sau thuế được trích lập và phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

#### 4.12 Doanh thu và thu nhập khác

*Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:*

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động*

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

*Doanh thu hoạt động tài chính* bao gồm: lãi tiền gửi; Chênh lệch tỷ giá hối đoái cụ thể như sau:

- Lãi tiền gửi được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.
- Chênh lệch tỷ giá phản ánh các khoản lãi chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm báo cáo.

*Thu nhập khác* phản ánh các khoản thu nhập phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty, ngoài các khoản doanh thu nêu trên.

#### 4.13 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo thực tế phát sinh phù hợp với doanh thu, là trị giá vốn của hàng hóa bán trong kỳ.

Giá vốn thuê tài sản được ghi nhận theo chi phí khấu hao tài sản là nhà xưởng, nhà làm việc cho thuê, được xác định dựa trên tỷ lệ diện tích cho thuê trên tổng diện tích của nhà xưởng.



#### 4.14 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí lương bán hàng, vận chuyển, khấu hao tài sản cố định, ...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

#### 4.15 Thuế

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong kỳ và số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước. Thu nhập thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Trong kỳ, Công ty chịu thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định nghĩa vụ về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

#### 4.16 Công cụ tài chính

##### *Ghi nhận ban đầu*

##### Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu khách hàng và phải thu khác.

##### Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

#### 4.16 Công cụ tài chính (tiếp theo)

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, phải trả khác.

##### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý. Trường hợp chưa có quy định về việc xác định lại giá trị hợp lý của các công cụ tài chính thì trình bày theo giá trị ghi sổ.

##### *Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán, nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

#### 4.17 Bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác.

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

Thông tin với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 26.

#### 5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	290.685.718	514.258.469
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	122.772.736	634.137.287
Các khoản tương đương tiền (*)	20.000.000.000	22.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>20.413.458.454</b>	<b>23.148.395.756</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình.

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****6.1 Đầu tư nắm giữ đến  
ngày đáo hạn**

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
		VND		VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>2.300.000.000</b>	<b>2.300.000.000</b>	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Thái Bình	2.300.000.000	2.300.000.000	-	-
<b>b. Dài hạn</b>	<b>3.580.000.000</b>	<b>3.580.000.000</b>	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Thái Bình	3.580.000.000	3.580.000.000	-	-

**6.2. Phải thu về cho vay**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công ty Cổ phần Lương thực Thái Bình	-	8.892.000.000
Bà Bùi Thị Phượng <sup>(1)</sup>	1.000.000.000	-
Bà Phạm Lan Anh <sup>(2)</sup>	1.000.000.000	-
Bà Phạm Thị Dung <sup>(3)</sup>	1.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>3.000.000.000</b>	<b>8.892.000.000</b>
Phải thu về cho vay là các bên liên quan	3.000.000.000	-
Bà Bùi Thị Phượng - Thành viên góp vốn	1.000.000.000	-
Bà Phạm Lan Anh - Thành viên góp vốn	1.000.000.000	-
Bà Phạm Thị Dung - Thành viên góp vốn	1.000.000.000	-

<sup>(1)</sup>Hợp đồng cho vay số 01 ngày 03/06/2016; Thời hạn cho vay 12 tháng; Lãi suất cho vay tính theo lãi suất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình tại thời điểm tính lãi; Tài sản đảm bảo là số cổ phần sở hữu: 307.600 CP bằng 3.076.000.000 VND. Lãi vay trả 3 tháng 1 lần.

<sup>(2)</sup>Hợp đồng cho vay số 02 ngày 03/06/2016; Thời hạn cho vay 12 tháng; Lãi suất cho vay tính theo lãi suất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình tại thời điểm tính lãi; Tài sản đảm bảo là số cổ phần sở hữu: 356.150 CP bằng 3.561.500.000 VND. Lãi vay trả 3 tháng 1 lần.

<sup>(3)</sup>Hợp đồng cho vay số 03 ngày 03/06/2016; Thời hạn cho vay 12 tháng; Lãi suất cho vay tính theo lãi suất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình tại thời điểm tính lãi; Tài sản đảm bảo là số cổ phần sở hữu: 346.400 CP bằng 3.464.000.000 VND. Lãi vay trả 3 tháng 1 lần.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỈNH THÁI BÌNH**  
Số 01 Hai Bà Trưng, phường Lê Hồng Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016  
**MẪU SỐ B09A - DN**

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

6.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	30/06/2016		01/01/2016				
	VND	VND	VND	VND			
Đầu tư vào công ty con	1.792.090.000	1.792.090.000	1.792.090.000	1.792.090.000			
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	8.428.128.592	8.428.128.592	8.428.128.592	8.428.128.592			
Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư vào công ty con của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:							
Tên công ty con	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Vốn điều lệ (VND)	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)	Giá trị hợp lý (VND)
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Thái Bình	51%	51%	51%	2.000.000.000	1.169.350.000	(-)	1.169.350.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng thủ công mỹ nghệ	53,44%	53,44%	53,44%	1.004.000.000	622.740.000	(-)	622.740.000
<b>Cộng</b>					<b>1.792.090.000</b>	<b>(-)</b>	<b>1.792.090.000</b>

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

Tên công liên kết	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Vốn điều lệ (VND)	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)	Giá trị hợp lý (VND)
Công ty Cổ phần May Xuất khẩu Việt Hồng <sup>(1)</sup>	34,88%	34,88%	34,88%	17.125.000.000	6.643.372.824	(-)	6.643.372.824
Công ty Cổ phần May Việt Hưng <sup>(2)</sup>	46,60%	46,60%	46,60%	3.601.052.997	1.784.755.768	(-)	1.784.755.768
<b>Cộng</b>					<b>8.428.128.592</b>	<b>(-)</b>	<b>8.428.128.592</b>

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

<sup>(1)</sup>Tại thời điểm 30/06/2016, vốn góp thực tế của Cổ phần May xuất khẩu Việt Hồng là 17.125.000.000 VND. Tuy nhiên, Công ty Cổ phần May Xuất khẩu Việt Hồng chưa thực hiện thay đổi Giấy phép đăng ký kinh doanh. Số vốn góp trên Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất ngày 19/05/2009 là 6.900.000.000 VND.

<sup>(2)</sup>Tại thời điểm 30/06/2016, vốn góp thực tế của Cổ phần May Việt Hưng là 3.601.052.997 VND. Tuy nhiên, Công ty Cổ phần May Việt Hưng chưa thực hiện thay đổi Giấy phép đăng ký kinh doanh. Số vốn góp trên Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất ngày 28/04/2009 là 3.500.000.000 VND.

**7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>2.124.265.513</b>	<b>1.497.056.716</b>
Các khoản phải thu của khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng	1.750.254.457	1.102.279.519
<i>Công ty Cổ phần May Việt Hưng</i>	238.077.769	238.077.769
<i>Echoroba Limited Company</i>	871.384.858	696.866.185
<i>Jadams &amp; associates limited</i>	640.791.830	-
Các khoản phải thu của khách hàng khác	374.011.056	562.112.762
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	382.430.485	432.430.485
<i>Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Thái Bình - Công ty con</i>	67.830.149	117.830.149
<i>Công ty Cổ phần May Việt Hưng - Công ty Liên kết</i>	238.077.769	238.077.769
<i>Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng thủ công mỹ nghệ - Công ty con</i>	76.522.567	76.522.567

**8. PHẢI THU KHÁC**

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>166.832.352</b>	<b>1.228.362.894</b>
Phải thu cơ quan bảo hiểm	-	396.782
Phải thu khác	110.232.352	1.171.366.112
<i>Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng thủ công mỹ nghệ</i>	110.232.352	163.886.112
Các khoản phải thu khác	-	1.007.480.000
Tạm ứng	56.600.000	56.600.000
Phải thu khác là bên liên quan	110.232.352	1.171.366.112
<i>Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Thái Bình - Công ty con</i>	-	122.400.000
<i>Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng thủ công mỹ nghệ - Công ty con</i>	110.232.352	163.886.112
<i>Công ty Cổ phần May Việt Hưng - Công ty liên kết</i>	-	163.100.000
<i>Công ty Cổ phần May Xuất khẩu Việt Hồng - Công ty liên kết</i>	-	721.980.000

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

<sup>(1)</sup>Tại thời điểm 30/06/2016, vốn góp thực tế của Cổ phần May xuất khẩu Việt Hồng là 17.125.000.000 VND. Tuy nhiên, Công ty Cổ phần May Xuất khẩu Việt Hồng chưa thực hiện thay đổi Giấy phép đăng ký kinh doanh. Số vốn góp trên Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất ngày 19/05/2009 là 6.900.000.000 VND.

<sup>(2)</sup>Tại thời điểm 30/06/2016, vốn góp thực tế của Cổ phần May Việt Hưng là 3.601.052.997 VND. Tuy nhiên, Công ty Cổ phần May Việt Hưng chưa thực hiện thay đổi Giấy phép đăng ký kinh doanh. Số vốn góp trên Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất ngày 28/04/2009 là 3.500.000.000 VND.

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>2.124.265.513</b>	<b>1.497.056.716</b>
Các khoản phải thu của khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng	1.750.254.457	1.102.279.519
<i>Công ty Cổ phần May Việt Hưng</i>	238.077.769	238.077.769
<i>Echoroba Limited Company</i>	871.384.858	696.866.185
<i>Jadams &amp; associates limited</i>	640.791.830	-
Các khoản phải thu của khách hàng khác	374.011.056	562.112.762
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	382.430.485	432.430.485
<i>Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Thái Bình - Công ty con</i>	67.830.149	117.830.149
<i>Công ty Cổ phần May Việt Hưng - Công ty Liên kết</i>	238.077.769	238.077.769
<i>Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng thủ công mỹ nghệ - Công ty con</i>	76.522.567	76.522.567

8. PHẢI THU KHÁC

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>166.832.352</b>	<b>1.228.362.894</b>
Phải thu cơ quan bảo hiểm	-	396.782
Phải thu khác	110.232.352	1.171.366.112
<i>Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng thủ công mỹ nghệ</i>	110.232.352	163.886.112
Các khoản phải thu khác	-	1.007.480.000
Tạm ứng	56.600.000	56.600.000
Phải thu khác là bên liên quan	110.232.352	1.171.366.112
<i>Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Thái Bình - Công ty con</i>	-	122.400.000
<i>Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng thủ công mỹ nghệ - Công ty con</i>	110.232.352	163.886.112
<i>Công ty Cổ phần May Việt Hưng - Công ty liên kết</i>	-	163.100.000
<i>Công ty Cổ Phần May Xuất khẩu Việt Hồng - Công ty liên kết</i>	-	721.980.000

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Dài hạn	344.450.884	379.881.478
Giá trị lợi thế kinh doanh	317.028.884	358.380.478
Giá trị công cụ dụng cụ xuất dùng	27.422.000	21.501.000

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 01/01/2016	14.360.020.210	185.068.432	1.258.591.818	15.803.680.460
Tại ngày 30/06/2016	14.360.020.210	185.068.432	1.258.591.818	15.803.680.460
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 01/01/2016	10.054.358.234	160.070.724	533.013.932	10.747.442.890
Tăng trong kỳ	201.329.531	6.168.948	61.119.375	268.617.854
Khấu hao trong kỳ	201.329.531	6.168.948	61.119.375	268.617.854
Tại ngày 30/06/2016	10.255.687.765	166.239.672	594.133.307	11.016.060.744
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 01/01/2016	<u>4.305.661.976</u>	<u>24.997.708</u>	<u>725.577.886</u>	<u>5.056.237.570</u>
Tại ngày 30/06/2016	<u>4.104.332.445</u>	<u>18.828.760</u>	<u>664.458.511</u>	<u>4.787.619.716</u>

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất. Chi tiết như sau:

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Đơn vị tính: VND Giá trị còn lại
Tại ngày 01/01/2016	12.227.577.300	-	12.227.577.300
Tại ngày 30/06/2016	<u>12.227.577.300</u>	-	<u>12.227.577.300</u>

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Ngắn hạn	1.209.982.534	1.308.739.592
Các khoản phải trả người bán chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải trả	1.163.161.065	1.221.789.592
Công ty Cổ phần May Xuất khẩu Việt Hồng	1.163.161.065	1.221.789.592
Phải trả cho các đối tượng khác	46.821.469	86.950.000
Phải trả người bán là các bên liên quan	1.163.161.065	1.221.789.592
Công ty Cổ phần May Xuất khẩu Việt Hồng - Công ty liên kết	1.163.161.065	1.221.789.592

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09A - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ)

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2016	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2016
	VND	VND	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	186.144.733	24.874.710	264.126.896	(53.107.453)
Thuế thu nhập cá nhân	28.771.781	31.027.982	30.211.218	29.588.545
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	297.000.000	6.778.760	290.221.240
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	4.000.000	4.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>214.916.514</b>	<b>400.513.209</b>	<b>305.116.874</b>	<b>310.312.849</b>
<i>Trong đó:</i>				
13.1 Phải nộp	214.916.514			319.809.785
13.2 Phải thu	-			-53.107.453

14. PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>21.241.373.396</b>	<b>23.952.672.979</b>
Kinh phí công đoàn	5.239.864	7.013.864
Bảo hiểm xã hội	1.166.631	-
Phải trả về cổ phần hóa	20.000.000.000	23.333.652.214
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.234.966.901	612.006.901
<i>Công ty Cổ phần May Xuất khẩu Việt Hồng</i>	<i>288.695.926</i>	<i>288.695.926</i>
<i>Cổ tức phải trả cho chủ sở hữu</i>	<i>642.960.000</i>	<i>-</i>
<i>Các khoản phải trả, phải nộp khác</i>	<i>303.310.975</i>	<i>160.000.000</i>
<b>Phải trả khác là các bên liên quan<sup>(*)</sup></b>	<b>452.006.901</b>	<b>452.006.901</b>
<i>Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Thái Bình - Công ty con</i>	<i>84.450.303</i>	<i>84.450.303</i>
<i>Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng thủ công mỹ nghệ - Công ty con</i>	<i>63.387.783</i>	<i>63.387.783</i>
<i>Công ty Cổ phần May Việt Hưng - Công ty liên kết</i>	<i>15.472.889</i>	<i>15.472.889</i>
<i>Công ty Cổ phần May Xuất khẩu Việt Hồng - Công ty liên kết</i>	<i>288.695.926</i>	<i>288.695.926</i>

(\*)Tiền dự thu tương ứng với tỷ lệ Công ty được hưởng từ quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế tại các công ty con và công ty liên kết.



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỈNH THÁI BÌNH**  
Số 01 Hai Bà Trưng, phường Lê Hồng Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016  
**MẪU SỐ B09A - DN**

**15. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
Tại ngày 01/03/2015	36.000.000.000	-	-	36.000.000.000
Tăng trong kỳ	-	100.000.000	1.997.583.904	2.097.583.904
Tăng trong kỳ	-	100.000.000	-	100.000.000
Lãi trong kỳ	-	-	1.997.583.904	1.997.583.904
Giảm trong kỳ	-	-	300.009.000	300.009.000
Phân phối lợi nhuận	-	-	300.000.000	300.000.000
Giảm khác	-	-	9.000	9.000
Tại ngày 31/12/2015	36.000.000.000	100.000.000	1.697.574.904	37.797.574.904
Tại ngày 01/01/2016	36.000.000.000	100.000.000	1.697.574.904	37.797.574.904
Tăng trong kỳ	-	-	99.498.841	99.498.841
Lãi trong kỳ	-	-	99.498.841	99.498.841
Giảm trong kỳ	-	-	1.692.000.000	1.692.000.000
Chia cổ tức (*)	-	-	1.692.000.000	1.692.000.000
Tại ngày 30/06/2016	36.000.000.000	100.000.000	105.073.745	36.205.073.745

(\*) Chia cổ tức theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2016 ngày 04/03/2016. Theo đó, Đại hội đồng cổ đông chia cổ tức số tiền 1.692.000.000 VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỈNH THÁI BÌNH**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Số 01 Hai Bà Trưng, phường Lê Hồng Phong,  
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Từ ngày 01/01/2016

đến ngày 30/06/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B09A - DN**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ)

**15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)**

CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	30/06/2016		01/01/2016	
	VND	Tỷ lệ %	VND	Tỷ lệ %
Vốn Nhà nước sở hữu	13.680.000.000	38%	13.680.000.000	38%
Công ty Cổ phần Máy xuất khẩu Việt Thái	9.878.500.000	27%	9.878.500.000	27%
Bà Phạm Lan Anh	3.480.000.000	10%	3.480.000.000	10%
Bà Phạm Thị Dung	3.400.000.000	9%	3.400.000.000	9%
Bà Bùi Thị Phụng	3.000.000.000	8%	3.000.000.000	8%
Các cổ đông khác	2.561.500.000	7%	2.561.500.000	7%
<b>Cộng</b>	<b>36.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>36.000.000.000</b>	<b>100%</b>

Đơn vị tính: VND

GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ CHIA CỔ TỨC, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

**Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối**

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/03/2015 đến 31/12/2015 VND
Số đầu kỳ	1.697.574.904	-
Tăng trong kỳ	99.498.841	1.997.583.904
Lợi nhuận tăng trong kỳ	99.498.841	1.997.583.904
Giảm trong kỳ	1.692.000.000	300.009.000
Phân phối lợi nhuận năm trước	1.692.000.000	300.009.000
Chia cổ tức	1.692.000.000	-
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	100.000.000
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	200.000.000
Giảm khác	-	9.000
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>105.073.745</b>	<b>1.697.574.904</b>

**Cổ tức**

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/03/2015 đến 31/12/2015 VND
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán:	4,7%	0%
Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:	4,7%	0%

**Cổ phiếu**

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.600.000	3.600.000
Cổ phiếu phổ thông	3.600.000	3.600.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.600.000	3.600.000
Cổ phiếu phổ thông	3.600.000	3.600.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/ cổ phiếu)	10.000	10.000

**16. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Ngoại tệ các loại		
Đô la Mỹ (USD)	362,34	7.402,26

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỈNH THÁI BÌNH  
Số 01 Hai Bà Trưng, phường Lê Hồng Phong,  
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01/01/2016

đến ngày 30/06/2016

MẪU SỐ B09A - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ)

### 17. DOANH THU

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.199.389.421
Doanh thu bán hàng hóa	18.200.806.571
Doanh thu cung cấp dịch vụ	998.582.850
Các khoản giảm trừ doanh thu	-
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>19.199.389.421</b>

### 18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	16.968.669.799
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	43.615.969
Cộng	<b>17.012.285.768</b>

### 19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	808.741.624
Lãi chênh lệch tỷ giá	14.147.891
Cộng	<b>822.889.515</b>

### 20. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Chi phí bán hàng	886.176.585
Chi phí dịch vụ mua ngoài	886.176.585
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>2.142.344.702</b>
Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí quản lý doanh nghiệp	1.753.941.490
Chi phí nhân viên	1.428.650.080
Chi phí khấu hao tài sản cố định	225.001.885
Chi phí dịch vụ mua ngoài	100.289.525
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	388.403.212

**21. THU NHẬP KHÁC**

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Thu nhập phụ cấp của quản lý không chuyên trách	145.900.000
Các khoản khác	1.670
<b>Cộng</b>	<b>145.901.670</b>

**22. CHI PHÍ KHÁC**

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Phạt hành chính	3.000.000
<b>Cộng</b>	<b>3.000.000</b>

**23. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Chi phí nhân công	1.428.650.080
Chi phí khấu hao tài sản cố định	268.617.854
Chi phí dịch vụ mua ngoài	986.466.110
Chi phí khác	388.403.212
<b>Cộng</b>	<b>3.072.137.256</b>

**24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Tổng lợi nhuận kế toán (1)	124.373.551
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán	
Các khoản điều chỉnh tăng (2)	-
Các khoản điều chỉnh giảm (3)	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-
Lỗ năm trước chuyển sang (4)	-
Tổng lợi nhuận tính thuế (5)=(1)+(2)-(3)+(4)	124.373.551
Thuế suất thuế TNDN (6)	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành (7)=(5)*(6)	24.874.710
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay (8)	-
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (9)=(7)+(8)</b>	<b>24.874.710</b>

## 25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

### Các loại công cụ tài chính

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh số 4.16.

	Giá trị ghi sổ 30/06/2016 VND	Giá trị ghi sổ 01/01/2016 VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.413.458.454	23.148.395.756
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.880.000.000	-
Phải thu của khách hàng	2.124.265.513	1.497.056.716
Phải thu về cho vay	3.000.000.000	8.892.000.000
Phải thu khác	166.832.352	1.228.362.894
<b>Cộng</b>	<b>31.584.556.319</b>	<b>34.765.815.366</b>
<b>Nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán	1.209.982.534	1.308.739.592
Phải trả khác	21.241.373.396	23.952.672.979
<b>Cộng</b>	<b>22.451.355.930</b>	<b>25.261.412.571</b>

Công ty trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo quy định của Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn cụ thể cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính theo giá trị hợp lý. Công ty đã trình bày giá trị hợp lý của công cụ tài chính theo hướng dẫn về thuyết minh báo cáo tài chính của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính tại một số thuyết minh ở phần trên.

### Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Các hoạt động của Công ty phải chịu rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đặt mục tiêu và các nguyên tắc cơ bản về quản lý rủi ro tài chính cho Công ty. Ban Giám đốc lập các chính sách chi tiết như nhận diện và đo lường rủi ro, hạn mức rủi ro và các chiến lược phòng ngừa rủi ro. Việc quản lý rủi ro tài chính được nhân sự thuộc bộ phận tài chính thực hiện.

Các nhân sự thuộc bộ phận tài chính đo lường mức độ rủi ro thực tế so với hạn mức được đề ra và lập báo cáo thường xuyên để Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc xem xét. Thông tin trình bày sau đây là dựa trên thông tin mà Ban Giám đốc nhận được.

#### • Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ tài chính được thanh toán bằng cách giao tiền mặt hoặc một tài sản tài chính khác.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỈNH THÁI BÌNH  
Số 01 Hai Bà Trưng, phường Lê Hồng Phong,  
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01/01/2016  
đến ngày 30/06/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B09A - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ)

**25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

	<u>Đến 1 năm</u> <u>VND</u>	<u>Trên 1 năm</u> <u>VND</u>
<b>Tại ngày 30/06/2016</b>		
Phải trả người bán	1.209.982.534	-
Phải trả khác	21.241.373.396	-
<b>Cộng</b>	<b>22.451.355.930</b>	<b>-</b>
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>		
Phải trả người bán	1.308.739.592	-
Phải trả khác	23.952.672.979	-
<b>Cộng</b>	<b>25.261.412.571</b>	<b>-</b>

**• Đo lường theo giá trị hợp lý**

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng (nếu có) đối với phải thu khách hàng, phải thu về cho vay, phải thu khác, phải trả người bán, phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

**26. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

<b>Giao dịch với các bên liên quan</b>	<b>Từ 01/01/2016</b> <b>đến 30/06/2016</b> <b>VND</b>
<b>Mua hàng hóa</b>	
Công ty Cổ phần May Việt Hưng - Công ty liên kết	267.169.616
Công ty Cổ phần May Xuất Khẩu Việt Hồng - Công ty liên kết	16.701.500.183
<b>Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc</b>	
Lương và các khoản khác	146.761.600

**27. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC**

Trong kỳ hoạt động, luồng tiền từ hoạt động kinh doanh trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ kèm theo bị âm số tiền 3.567.784.527 VND. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty trong tương lai phụ thuộc đáng kể vào kết quả kinh doanh cũng như kết quả thương thảo với các nhà đầu tư và các nhà cung cấp về gia hạn thời gian trả nợ, tài trợ vốn cho các hoạt động kinh doanh của Công ty.

**28. THÔNG TIN KHÁC**

Theo Văn bản số 3099/VPCP-ĐMDN ngày 06/05/2016 của Văn phòng Chính phủ cho phép Ủy ban Nhân dân tỉnh Thái Bình được phép bán toàn bộ phần vốn nhà nước (38% vốn điều lệ) tại Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu tỉnh Thái Bình. Theo đó, Ủy ban Nhân dân tỉnh Thái Bình có Văn bản số 1833/UBND-KT ngày 03/06/2016 giao cho Ban đổi mới và Phát triển doanh nghiệp tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị liên quan hướng dẫn, kiểm tra, giám sát Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu tỉnh Thái Bình thực hiện bán toàn bộ phần vốn nhà nước tại Công ty theo quy định hiện hành.

CHÍNH SỞ  
THÁI BÌNH

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỈNH THÁI BÌNH  
Số 01 Hai Bà Trưng, phường Lê Hồng Phong,  
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01/01/2016  
đến ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09A - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ)



29. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/03/2015 đến ngày 31/12/2015 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu tỉnh Thái Bình đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn đầu tư tài chính Châu Á tại Hà Nội. Riêng Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ không có số liệu so sánh do Công ty không lập Báo cáo tài chính giữa niên độ từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.

Thái Bình, ngày 29 tháng 07 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Trưởng Giám đốc



Bùi Thị Phượng

Phạm Thị Nhâm

Nguyễn Công Tri

UBND PHƯỜNG LÊ HỒNG PHONG  
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH - T THÁI BÌNH  
Ngày: 12 - 07 - 2016  
CHỨNG THỰC  
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH



CHỦ TỊCH  
Đặng Luân Hậu